

DANH SÁCH
ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2022
BẢN SỐ 1

Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điện ưu tiên	Địa chỉ	Trường đào tạo	Trình độ, chuyên môn đào tạo		Tốt nghiệp loại	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí việc làm	Điểm phỏng vấn	Ghi chú
									Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
1	Bùi Thảo	Anh	25/4/1997	Nữ	Mường	DT	Xuất Hóa - Lạc Sơn - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Nguyên	Đại học	Y khoa	Khá	Cơ bản	Anh A2	Bác sĩ đa khoa		Bỏ thi
2	Bùi Thị	Bích	20/5/1996	Nữ	Mường	DT	Quý Hòa - Lạc Sơn - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Nguyên	Đại học	Y khoa	TB	Cơ bản	Anh A2	Bác sĩ đa khoa	51	
3	Bùi Thanh	Bình	19/12/1996	Nam	Mường	DT	Nhân Nghĩa - Lạc Sơn - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Bình	Đại học	Y khoa	TBK	Cơ bản	Anh A2	Bác sĩ đa khoa	67.5	
4	Bạch Hà	Chi	07/12/1995	Nữ	Mường	DT, 135	Bình Sơn - Kim Bôi - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Nguyên	Đại học	Y khoa	TB	Cơ bản	CC Dân tộc Thái	Bác sĩ đa khoa	69	
5	Nguyễn Thị	Chinh	23/9/1997	Nữ	Kinh		TT Đà Bắc - Đà Bắc - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Bình	Đại học	Y khoa	Giỏi	Cơ bản	Anh bậc 4	Bác sĩ đa khoa		Bỏ thi
6	Vì Mạnh	Cường	10/10/1996	Nam	Tày	DT, 135	Mường Chiềng - Đà Bắc - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Nguyên	Đại học	Y khoa	TB	Cơ bản	Anh bậc 2	Bác sĩ đa khoa	66	
7	Nguyễn Thanh	Cường	24/5/1995	Nam	Kinh		Nam Thượng - Kim Bôi - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Nguyên	Đại học	Y khoa	TB	Cơ bản	Anh B1	Bác sĩ đa khoa	82	
8	Ngô Ngọc	Dũng	04/02/1985	Nam	Mường	DT	TT Ba Hàng Đồi - Lạc Thủy - Hòa Bình	ĐH Y dược Hải Phòng	Đại học	Y khoa	TB	Cơ bản	Anh A2	Bác sĩ đa khoa	38	
9	Sùng A	Dương	11/01/1995	Nam	Mông	DT, 135	Pà Cò - Mai Châu - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Nguyên	Đại học	Y khoa	TB	Tin học Cơ bản IC3	Anh A2	Bác sĩ đa khoa	55.5	
10	Bùi Văn	Duy	27/10/1996	Nam	Mường	DT	Đông Lai - Tân Lạc - Hòa Bình	ĐH Y khoa Vinh	Đại học	Y khoa	TB	Cơ bản	Anh bậc 3	Bác sĩ đa khoa		Bỏ thi

Số bảo đanh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Diện ưu tiên	Địa chỉ	Trường đào tạo	Trình độ, chuyên môn đào tạo		Tốt nghề nghiệp loại	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí việc làm	Điểm phỏng vấn	Ghi chú
									Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
11	Đinh Thu	Hà	15/9/1996	Nữ	Mường	DT	TT Đà Bắc - Đà Bắc Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Nguyên	Đại học	Y khoa	TB	Cơ bản	Anh Toefl ITP	Bác sĩ đa khoa	58.5	
12	Lê Minh	Hạnh	30/11/1997	Nữ	Mường	DT	TT Hàng Trạm - Yên Thủy - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Nguyên	Đại học	Y khoa	TB	Cơ bản	Anh bậc 3	Bác sĩ đa khoa	66	
13	Bùi Thị	Hào	06/4/1996	Nữ	Mường	DT	Bình Hẻm - Lạc Sơn Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Nguyên	Đại học	Y khoa	TB	Cơ bản	Anh bậc 2	Bác sĩ đa khoa	62.5	
14	Bùi Thị Hoàn	Hào	05/9/1996	Nữ	Mường	DT	Nhân Nghĩa - Lạc Sơn - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Bình	Đại học	Y khoa	TB	Cơ bản	Anh bậc 2	Bác sĩ đa khoa	71	
15	Bùi Thế	Hoàng	28/7/1995	Nam	Mường	DT	Đa Phúc - Yên Thủy - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Nguyên	Đại học	Y khoa	TB	Cơ bản	Anh A2	Bác sĩ đa khoa		Bỏ thi
16	Bùi Văn	Hoạt	09/4/1996	Nam	Mường	DT	Quyết Thắng - Lạc Sơn - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Nguyên	Đại học	Y khoa	TB	Cơ bản	Anh bậc 2	Bác sĩ đa khoa	56	
17	Bùi Thị Diễm	Hương	19/02/1996	Nữ	Mường	DT	Ngọc Lương - Yên Thủy - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Bình	Đại học	Y khoa	TBK	Cơ bản	Anh bậc 3	Bác sĩ đa khoa	39	
18	Đỗ Thị Thu	Hương	17/12/1996	Nữ	Kinh		Thanh Hối - Tân Lạc Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Nguyên	Đại học	Y khoa	TB	Cơ bản	Anh bậc 3	Bác sĩ đa khoa		Bỏ thi
19	Bùi Thị	Hường	28/3/1994	Nữ	Mường	DT	Đông Bắc - Kim Bôi - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Bình	Đại học	Y khoa	TBK	Cơ bản	Anh bậc 2	Bác sĩ đa khoa	25	
20	Xa Thị Thủy	Huyền	05/4/1996	Nữ	Tày	DT	Cao Sơn - Đà Bắc - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Nguyên	Đại học	Y khoa	Khá	Cơ bản	Anh A2	Bác sĩ đa khoa	38.5	
21	Bùi Thị	Huyền	01/8/1996	Nữ	Mường	DT	Lỗ Sơn - Tân Lạc - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Nguyên	Đại học	Y khoa	TB	Cơ bản	Anh bậc 2	Bác sĩ đa khoa	59	
22	Bùi Quang	Khánh	19/02/1995	Nữ	Mường	DT	Vân Sơn - Tân Lạc - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Bình	Đại học	Y khoa	TBK	Cơ bản	Anh bậc 2	Bác sĩ đa khoa		Bỏ thi
23	Đinh Thị	Khoa	23/9/1996	Nữ	Mường	DT: 135	Phú Vinh - Tân Lạc - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Nguyên	Đại học	Y khoa	TB	Cơ bản	Anh A2	Bác sĩ đa khoa	44	

Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Diện ưu tiên	Địa chỉ	Trường đào tạo	Trình độ, chuyên môn đào tạo		Tốt nghiệp loại	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí việc làm	Điểm phỏng vấn	Ghi chú
									Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
24	Hàng Thị	Liên	12/9/1995	Nữ	Mông	DT, 135	Pà Cò - Mai Châu - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Nguyên	Đại học	Y khoa	Khá	Cơ bản	Anh A2	Bác sĩ đa khoa	57	
25	Quách Công	Linh	04/12/1998	Nam	Mường	DT	Ân Nghĩa - Lạc Sơn - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Nguyên	Đại học	Y khoa	TB	Tin học CB IC3	Anh bậc 3	Bác sĩ đa khoa	64	
26	Bùi Hiền	Linh	03/5/1996	Nữ	Mường	DT	TT Vụ Bản - Lạc Sơn - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Nguyên	Đại học	Y khoa	Khá	Cơ bản	Anh A2	Bác sĩ đa khoa		Bỏ thi
27	Bùi Thị	Linh	27/7/1994	Nữ	Mường	DT	Đông Bắc - Kim Bôi - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Nguyên	Đại học	Y khoa	TB	Cơ bản	Anh Toefl ITP	Bác sĩ đa khoa		Bỏ thi
28	Bùi Mai	Ly	25/6/1996	Nữ	Mường	DT	P. Quỳnh Lâm - TP Hòa Bình - Hòa Bình	ĐH Y dược Hải Phòng	Đại học	Y khoa	Khá	Cơ bản	Anh Toefl ITP	Bác sĩ đa khoa		Bỏ thi
29	Quách Thị	Mai	28/8/1995	Nữ	Mường	DT; 135	Mỵ Hòa - Kim Bôi - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Nguyên	Đại học	Y khoa	Khá	Cơ bản	Anh A2	Bác sĩ đa khoa	58	
30	Lê Thị Thanh	Mến	28/02/1993	Nữ	Nùng	DT	Bình Yên - Thạch Thất - Hà Nội	ĐH Y dược Thái Nguyên	Đại học	Y khoa	Khá			Bác sĩ đa khoa	54	
31	Đinh Thị	Mơ	10/02/1996	Nữ	Mường	DT	TT Mãn Đức - Tân Lạc - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Nguyên	Đại học	Y khoa	Khá	Cơ bản	Anh bậc 2	Bác sĩ đa khoa	50	
32	Bùi Dược	Nam	21/11/1997	Nam	Mường	DT	Vụ Bản - Lạc Sơn - Hòa Bình	ĐH Y khoa Vinh	Đại học	Y khoa	Khá	Cơ bản	Anh bậc 3	Bác sĩ đa khoa		Bỏ thi
33	Đinh Thị Hằng	Nga	04/02/1997	Nữ	Kinh		P. Đồng Tiến - TP Hòa Bình - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Nguyên	Đại học	Y khoa	Khá	Cơ bản	Anh A2	Bác sĩ đa khoa		Bỏ thi
34	Bùi Thị	Nguyệt	18/7/1994	Nữ	Mường	DT	Tân Mỹ - Lạc Sơn - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Bình	Đại học	Y khoa	TB	Cơ bản	Anh bậc 2	Bác sĩ đa khoa	28.5	
35	Bùi Thị	Nhật	16/6/1997	Nữ	Mường	DT, 135	Ngổ Luông - Tân Lạc - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Nguyên	Đại học	Y khoa	Khá	Cơ bản	Anh bậc 3	Bác sĩ đa khoa	52	
36	Nguyễn Hồng	Nhung	21/6/1996	Nữ	Kinh		P. Hữu Nghị - TP Hòa Bình - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Nguyên	Đại học	Y khoa	Khá	Tin học Cơ bản IC3	Anh B CẢ	Bác sĩ đa khoa		Bỏ thi

Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Diện ưu tiên	Địa chỉ	Trường đào tạo	Trình độ, chuyên môn đào tạo		Tốt nghệp loại	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí việc làm	Điểm phỏng vấn	Ghi chú
									Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
37	Quách Hồng	Nhung	17/11/1996	Nữ	Mường	DT	xã Kim Bôi - Kim Bôi - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Bình	Đại học	Y khoa	Khá	Cơ bản	Anh A2	Bác sĩ đa khoa		Bỏ thi
38	Bùi Thị	Nhung	09/01/1994	Nữ	Mường	DT, CBB	TT Chi Nê - Lạc Thủy - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Bình	Đại học	Y khoa	TBK	Cơ bản	Anh Toefl ITP	Bác sĩ đa khoa	52	
39	Bùi Thị	Nương	30/6/1997	Nữ	Mường	DT	Thanh Hối - Tân Lạc Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Bình	Đại học	Y khoa	Khá	Cơ bản	Anh A2	Bác sĩ đa khoa	59.5	
40	Bùi Chí	Phương	11/5/1997	Nam	Mường	DT	Xuân Thủy - Kim Bôi - Hòa Bình	ĐH Y dược Hải Phòng	Đại học	Y khoa	TB	Cơ bản	Anh A2	Bác sĩ đa khoa		Bỏ thi
41	Hà Thị	Quyền	01/02/1994	Nữ	Mường	DT	Sào Báy - Kim Bôi - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Bình	Đại học	Y khoa	TBK	Cơ bản	Anh bậc 2	Bác sĩ đa khoa	58	
42	Sùng Pàng	Rê	21/5/1995	Nữ	Mông	DT, 135	Pà Cò - Mai Châu - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Nguyên	Đại học	Y khoa	TB	Cơ bản	Anh A2	Bác sĩ đa khoa	53	

THƯ KÝ

Thal

Bùi Thị Thúy Hải



GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Bùi Thu Hằng

DANH SÁCH
 ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2022
 BẢN SỐ 2

Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Diện ưu tiên	Địa chỉ	Trường đào tạo	Trình độ, chuyên môn đào tạo		Tốt nghiệp loại	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí việc làm	Điểm phỏng vấn	Ghi chú
									Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
43	Đinh Xuân	Sơn	13/4/1996	Nam	Thái	DT	Thành Sơn - Quan Hóa - Thanh Hóa	ĐH Y dược Hải Phòng	Đại học	Y khoa	TB	Cơ bản		Bác sĩ đa khoa	64	
44	Bùi Thị	Thêu	12/12/1996	Nữ	Mường	DT, 135	Nánh Nghê - Đà Bắc - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Nguyên	Đại học	Y khoa	TB	Cơ bản	Anh bậc 2	Bác sĩ đa khoa	68	
45	Bùi Văn	Thiếu	05/7/1993	Nam	Mường	DT	Nánh Nghê - Đà Bắc - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Bình	Đại học	Y khoa	TB	Cơ bản	Anh B	Bác sĩ đa khoa	69.5	
46	Bùi Đức	Thịnh	24/6/1994	Nam	Mường	DT, 135	Quý Hòa - Lạc Sơn - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Bình	Đại học	Y đa khoa	TB	Cơ bản	Anh A2	Bác sĩ đa khoa	61.5	
47	Trần Thị	Thơm	09/9/1992	Nữ	Kinh		TT Hàng Trạm - Yên Thủy - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Bình	Đại học	Y khoa	TBK	Cơ bản	Anh A2	Bác sĩ đa khoa	69	
48	Hà Phương	Thúy	30/6/1993	Nữ	Mường	DT	P. Quỳnh Lâm - TP Hòa Bình - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Bình	Đại học	Y khoa	TBK	Cơ bản	Anh A2	Bác sĩ đa khoa	66.5	
49	Bùi Thị	Trang	24/01/1995	Nữ	Mường	DT, 135	Vân Sơn - Tân Lạc - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Bình	Đại học	Y khoa	TBK	Cơ bản	Anh bậc 3	Bác sĩ đa khoa	60	
50	Bùi Thị Minh	Trang	03/01/1994	Nữ	Mường	DT	Hùng Vương - Phúc Yên - Vĩnh Phúc	ĐH Y dược Hải Phòng	Đại học	Y khoa	Khá	Cơ bản	Anh bậc 2	Bác sĩ đa khoa	55	
51	Vũ Đình	Tú	16/01/1996	Nam	Kinh		Thanh Sơn - Lương Sơn - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Nguyên	Đại học	Y khoa	TB	Cơ bản	Anh Bậc 2	Bác sĩ đa khoa	68.5	
52	Bùi Anh	Tuấn	25/5/1996	Nam	Mường	DT	Lạc Lương - Yên Thủy - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Nguyên	Đại học	Y khoa	TB	Cơ bản	Anh A2	Bác sĩ đa khoa	72	



Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điện ưu tiên	Địa chỉ	Trường đào tạo	Trình độ, chuyên môn đào tạo		Tốt nghiệp loại	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí việc làm	Điểm phỏng vấn	Ghi chú
									Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
53	Trần Mạnh	Tuấn	08/02/1995	Nam	Kinh		TT Hàng Trạm - Yên Thủy - Hòa Bình	ĐH Y dược Hải Phòng	Đại học	Y khoa	TB	Cơ bản	Anh Bậc 2	Bác sĩ đa khoa	72.5	
54	Đinh Thị Hồng	Vóc	25/10/1998	Nữ	Kinh		P. Đồng Tiến - TP Hòa Bình - Hòa Bình	ĐH Y khoa Vinh	Đại học	Y khoa	Giỏi	Cơ bản	Anh bậc 3	Bác sĩ đa khoa		Bỏ thi
55	Nguyễn Tuấn	Vũ	30/9/1996	Nam	Thổ	DT	TT Lương Sơn - Lương Sơn - Hòa Bình	ĐH Y Hà Nội	Đại học	Y đa khoa	TBK	Cơ bản	Anh bậc 3	Bác sĩ đa khoa	53.5	
56	Đinh Thị	Yến	04/9/1997	Nữ	Mường	DT	Sơn Thủy - Mai Châu - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Nguyên	Đại học	Y khoa	Khá	Cơ bản	Anh bậc 3	Bác sĩ đa khoa	65.5	
57	Phan Thanh	Huyền	28/6/1994	Nữ	Kinh		Tân Thịnh - TP Hòa Bình	ĐH Y dược Hải Phòng	Đại học	Răng - Hàm - Mặt	Khá	Cơ bản	Anh A2	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	62	
58	Hà Phương	Anh	09/11/1996	Nữ	Thái	DT	P. Kỳ Sơn - TP Hòa Bình - tỉnh Hòa Bình	HV Y dược học cổ truyền Việt Nam	Đại học	Y học cổ truyền	Khá	Cơ bản	Anh Bậc 4	Bác sĩ YHCT	55	
59	Cần Thu	Hiền	04/02/1992	Nữ	Kinh		TT Lương Sơn - Lương Sơn - Hòa Bình	HV Y dược học cổ truyền Việt Nam	Đại học	Y học cổ truyền	Khá	Cơ bản	Anh Bậc 4	Bác sĩ YHCT	65	
60	Bùi Thị Thu	Hương	12/8/1997	Nữ	Mường	DT	Đồng Lai - Tân Lạc - Hòa Bình	HV Y dược học cổ truyền Việt Nam	Đại học	Y học cổ truyền	Khá	Cơ bản	Anh A2	Bác sĩ YHCT	52	
61	Vũ Thị Hồng	Nhung	23/11/1997	Nữ	Kinh		TT Mãn Đức - Tân Lạc - Hòa Bình	HV Y dược học cổ truyền Việt Nam	Đại học	Y học cổ truyền	Khá	Cơ bản	Anh B	Bác sĩ YHCT	66	
62	Bùi Thị Trang	Nhung	13/5/1998	Nữ	Mường	DT	Tân Lập - Lạc Sơn - Hòa Bình	HV Y dược học cổ truyền Việt Nam	Đại học	Y học cổ truyền	TB	Cơ bản	Anh Toefl ITP	Bác sĩ YHCT	53.5	
63	Bùi Bích	Phượng	30/8/1993	Nữ	Mường	DT. 135	Phú Cường - Tân Lạc - Hòa Bình	HV Y dược học cổ truyền Việt Nam	Đại học	Y học cổ truyền	Khá	Cơ bản	Anh Bậc 2	Bác sĩ YHCT	75	
64	Bùi Thị Thảo	Sương	01/8/1995	Nữ	Mường	DT	Sào Báy - Kim Bôi - Hòa Bình	HV Y dược học cổ truyền Việt Nam	Đại học	Y học cổ truyền	TB	Cơ bản	Anh Toefl ITP	Bác sĩ YHCT	64	
65	Nguyễn Thị Thu	Thủy	21/10/1996	Nữ	Mường	DT	Yên Mông - TP Hòa Bình - Hòa Bình	HV Y dược học cổ truyền Việt Nam	Đại học	Y học cổ truyền	TB	Cơ bản	Anh Toefl ITP	Bác sĩ YHCT	73	

Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điện ưu tiên	Địa chỉ	Trường đào tạo	Trình độ, chuyên môn đào tạo		Tốt nghề nghiệp loại	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí việc làm	Điểm phỏng vấn	Ghi chú
									Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
66	Bùi Trường	Giang	27/12/1997	Nữ	Mường	DT	Vũ Bình - Lạc Sơn - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Bình	Đại học	Bác sĩ YHDP	Khá	Cơ bản	Anh A2	Bác sĩ YHDP	73	
67	Lê Thị Hồng	Hạnh	23/12/1998	Nữ	Kinh		P. Kỳ Sơn - TP Hòa Bình - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Bình	Đại học	Bác sĩ YHDP	Khá	Cơ bản	Anh A2	Bác sĩ YHDP	67.5	
68	Nguyễn Thị Thu	Hường	16/12/1998	Nữ	Kinh		Lạc Thịnh - Yên Thủy - Hòa Bình	ĐH Y khoa Vinh	Đại học	Bác sĩ YHDP	Giỏi	Cơ bản	Anh Toefl ITP	Bác sĩ YHDP	69.5	
69	Bùi Thị	Na	28/9/1995	Nữ	Mường	DT	Tú Lý - Đà Bắc - Hòa Bình	ĐH Y dược Thái Bình	Đại học	Bác sĩ YHDP	Khá	Cơ bản	Anh Toefl ITP	Bác sĩ YHDP	55.5	
70	Quách Đức	Học	08/7/1997	Nam	Mường	DT	Ngọc Sơn -Lạc Sơn - Hòa Bình	Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	TBK	Cơ bản	Anh bậc 2	Kỹ thuật hình ảnh Y học Đại học	71.5	
71	Dương Quang	Minh	31/3/1997	Nam	Kinh	CBB	Thượng Cốc -Lạc Sơn -Hòa Bình	Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương	Đại học	Kỹ thuật hình ảnh y học	TBK	Cơ bản	Anh A2	Kỹ thuật hình ảnh Y học Đại học	11	
72	Phạm Thị Kiều	Giang	02/9/1999	Nữ	Kinh		Xuất Hóa- Lạc Sơn- Hòa Bình	ĐH Y tế công cộng	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Khá	Cơ bản	Anh Bậc 3: tiếng DT Thái	Kỹ thuật xét nghiệm y học hạng III		Bỏ thi
73	Bùi Ngọc	Như	15/7/1998	Nữ	Mường	DT	Tây Phong- Cao Phong -Hòa Bình	ĐH Y Dược Thái Nguyên	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Khá	Cơ bản	Anh C	Kỹ thuật xét nghiệm y học hạng III	57	
74	Đinh Hải	Yến	04/6/2000	Nữ	Mường	DT	P. Phương Lâm - TP Hòa Bình - Hòa Bình	ĐH Y tế công cộng	Đại học	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Khá	Cơ bản	Anh A2	Kỹ thuật xét nghiệm y học hạng III		Bỏ thi
75	Triệu Duyên	Tiền	18/6/1992	Nam	Dao	DT	Toàn Sơn -Đà Bắc - Hòa Bình	Cao đẳng Y Dược PASTEUR	Cao đẳng	Kỹ thuật vật lý trị liệu và châm cứu	Khá			Kỹ thuật viên phục hồi chức năng	70	
76	Đặng Tuấn	Anh	10/10/1994	Nam	Dao	DT	Toàn Sơn-Đà Bắc- Hòa Bình	Cao đẳng Y tế Phủ Thọ	Cao đẳng	Kỹ thuật hình ảnh y học	TBK			Kỹ thuật hình ảnh Y học cao đẳng	81	
77	Hà Minh	Châu	29/7/1995	Nam	Thái	DT	Chiềng Châu-Mai Châu-Hòa Bình	Cao đẳng Y tế Phủ Thọ	Cao đẳng	Kỹ thuật hình ảnh y học	Khá			Kỹ thuật hình ảnh Y học cao đẳng	60.5	
78	Bùi Mạnh	Cường	24/3/1998	Nam	Mường	DT	Đù Sáng -Kim Bôi - Hòa Bình	Cao đẳng Y tế Phủ Thọ	Cao đẳng	Kỹ thuật hình ảnh y học	Khá			Kỹ thuật hình ảnh Y học cao đẳng	52	

Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điện ưu tiên	Địa chỉ	Trường đào tạo	Trình độ, chuyên môn đào tạo		Tốt nghệ nghiệp loại	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí việc làm	Điểm phỏng vấn	Ghi chú
									Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
79	Bùi Văn	Hải	01/4/1996	Nam	Mường	DT	Đông Lai-Tân Lạc- Hòa Bình	Cao đẳng Y tế Phú Thọ	Cao đẳng	Kỹ thuật hình ảnh y học	TBK	Tin học B	Anh B	Kỹ thuật hình ảnh Y học cao đẳng	36	
80	Hà Đức	Dũng	30/01/1994	Nam	Kinh		Phương Lâm-TP Hòa Bình	Cao đẳng Y tế Hà Đông	Cao đẳng	Xét nghiệm	Giỏi	Tin học B	Anh B	Xét nghiệm cao đẳng	40.5	
81	Vũ Hương	Giang	24/11/1990	Nữ	Kinh		TT Ba Hàng Đồi - Lạc Thủy -Hòa Bình	Cao đẳng Y tế Hà Đông	Cao đẳng	Xét nghiệm	Khá			Kỹ thuật xét nghiệm cao đẳng	71.5	
82	Vũ Tuấn	Linh	19/8/1998	Nam	Mường	DT	Đồng Tiến-TP Hòa Bình-Hòa Bình	Cao đẳng Y tế Bạch Mai	Cao đẳng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	TBK	Cơ bản	Anh A2	Xét nghiệm y học cao đẳng		Bỏ thi
83	Bùi Đức	Trung	17/02/1997	Nam	Mường	DT	Đông Lai-Tân Lạc- Hòa Bình	Cao đẳng Y tế Thái Bình	Cao đẳng	Xét nghiệm y học	Khá			Xét nghiệm y học cao đẳng	56	
84	Trần Anh	Tuấn	15/11/1996	Nam	Kinh		TT Mân Đức-Tân Lạc-Hòa Bình	Cao đẳng Y tế Phú Thọ	Cao đẳng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Khá			Kỹ thuật xét nghiệm y học cao đẳng	76.5	

THƯ KÝ



Bùi Thị Thủy Hải

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Bùi Thu Hằng

SỞ Y TẾ TỈNH HÒA BÌNH
HĐ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2022

DANH SÁCH
ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2022
BẢN SỐ 3



Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điện ưu tiên	Địa chỉ	Trường đào tạo	Trình độ, chuyên môn đào tạo		Tốt nghiệp loại	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí việc làm	Điểm phỏng vấn	Ghi chú
									Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
85	Đặng Thị	Châu	20/4/1997	Nữ	Mường	DT	Xã Kim Bôi-Kim Bôi Hòa Bình	Trường Đại học Y Dược ĐH Thái Nguyên	Đại học	Dược sĩ	TB	Cơ bản	Anh bậc 2	Dược sĩ	80	
86	Nguyễn Lê Phương	Dung	20/8/1995	Nữ	Kinh		Xuất Hóa -Lạc Sơn- Hòa Bình	Đại học Đại Nam	Đại học	Dược sĩ	TBK	Cơ bản	Anh B	Dược sĩ	50	
87	Trịnh Thị	Hà	20/8/1996	Nữ	Kinh		Vũ Bình-Lạc Sơn- Hòa Bình	Đại học Đại Nam	Đại học	Dược sĩ	Khá	Cơ bản	Anh A2	Dược sĩ	46	
88	Nguyễn Thị Diệu	Hoa	14/02/1998	Nữ	Mường	DT	Hợp Thành-TP Hòa Bình- Hòa Bình	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Đại học	Dược sĩ	TB	Cơ bản	TOEIC	Dược sĩ	93	
89	Bùi Thị	Hương	22/6/1996	Nữ	Mường	DT	Vân Sơn-Tân Lạc- Hòa Bình	Đại học PHENIKAA	Đại học	Dược sĩ	TBK	Cơ bản	Anh bậc 2	Dược sĩ	20	
90	Trịnh Phương	Linh	06/5/1999	Nữ	Kinh		Chiềng Châu-Mai Châu-Hòa Bình	Trường Đại học Y Dược ĐH Thái Nguyên	Đại học	Dược sĩ	Khá	IC3	Anh B1	Dược sĩ	63	
91	Hoàng Đức	Lợi	19/9/1992	Nam	Kinh	CA xuất ngũ	Chiềng Châu-Mai Châu-Hòa Bình	Đại học Đại Nam	Đại học	Dược sĩ	TBK	Cơ bản	Anh bậc 2	Dược sĩ	55	
92	Mai Diễm	Quỳnh	18/12/1995	Nữ	Kinh		TT Hàng Trạm-Yên Thủy-Hòa Bình	ĐH Quốc gia Hà Nội	Đại học	Dược học	Khá	Cơ bản	Anh bậc 2	Dược sĩ	43	
93	Đinh Hương	Sen	06/01/1996	Nữ	Kinh		TT Hàng Trạm-Yên Thủy-Hòa Bình	Đại học Thành Đô	Đại học	Dược sĩ	Khá	Cơ bản	Anh A2	Dược sĩ	50	
94	Bùi Thị Phương	Thủy	09/7/1993	Nữ	Mường	DT	Vụ Bản -Lạc Sơn- Hòa Bình	Đại học Dược Hà Nội	Đại học	Dược sĩ	TB	Cơ bản	Anh bậc 2	Dược sĩ	60	

Số bảo danh			Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Diện ưu tiên	Địa chỉ	Trường đào tạo	Trình độ, chuyên môn đào tạo		Tốt nghiệp loại	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí việc làm	Điểm phỏng vấn	Ghi chú
									Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
95	Xa Đức	Trung	30/4/1995	Nam	Tày	DT	Mường Chiềng-Đà Bắc-Hòa Bình	Đại học PHENIKAA	Đại học	Dược sĩ	Khá	Cơ bản	Anh bậc 2	Dược sĩ	40	
96	Nguyễn Thị	Yến	10/12/1992	Nữ	Kinh		TT Mai Châu-Hòa Bình	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng	Đại học	Dược học	Khá	0	0	Dược sĩ	33	
97	Bùi Thị Hội	An	18/10/2000	Nữ	Mường	DT	Vũ Bình-Lạc Sơn- Hòa Bình	Cao đẳng Y - Dược Hà Nội	Cao đẳng	Cử nhân thực hành Dược	Khá			Dược CĐ	50	
98	Nguyễn Hà	Chi	30/01/2000	Nữ	Mường	DT	TT Bo - Kim Bôi - Hòa Bình	Cao đẳng Y Dược Hà Nội	Cao đẳng	Cử nhân thực hành Dược	Khá			Dược CĐ	50	
99	Bùi Thị	Giang	07/02/1996	Nữ	Mường	DT	Vũ Bình-Lạc Sơn- Hòa Bình	Cao đẳng Y Dược Phú Thọ	Cao đẳng	Dược	Khá			Dược CĐ	20	
100	Nguyễn Thị Thu	Hà	26/8/1998	Nữ	Kinh		TT Hàng Trạm-Yên Thủy-Hòa Bình	Cao đẳng Công nghệ & Thương mại Hà Nội	Cao đẳng	Dược	Khá			Dược CĐ	10	
101	Sa Quốc Khánh	Hà	02/9/1995	Nam	Mường	DT	TT Đà Bắc-Hòa Bình	Cao đẳng Y Dược Phú Thọ	Cao đẳng	Dược	TBK			Dược CĐ	10	
102	Nguyễn Thị	Hiền	04/11/1979	Nữ	Kinh		Phương Lâm-TP Hòa Bình	Cao đẳng Y Dược Phú Thọ	Cao đẳng	Dược	Khá			Dược CĐ	50	
103	Lê Tuấn	Hoàn	09/8/2000	Nam	Kinh		Đồng Tiến-TP Hòa Bình	Cao đẳng Y Dược Phú Thọ	Cao đẳng	Cử nhân thực hành Dược	Khá			Dược CĐ	10	
104	Quách Xuân	Hoàng	13/02/1987	Nam	Mường	DT	Yên Phú-Lạc Sơn- Hòa Bình	Cao đẳng Y Dược Phú Thọ	Cao đẳng	Cử nhân thực hành Dược	Khá			Dược CĐ	30	
105	Bùi Thị	Huế	20/7/1997	Nữ	Mường	DT	TT Vụ Bản-Lạc Sơn- Hòa Bình	Cao đẳng Y tế Phú Thọ	Cao đẳng	Dược	TBK			Dược CĐ	40	
106	Đào Thị	Hường	24/8/1993	Nữ	Kinh		TT Vụ Bản-Lạc Sơn- Hòa Bình	Cao đẳng Y Dược Phú Thọ	Cao đẳng	Dược	Khá			Dược CĐ	51	
107	Lương Duy	Khánh	01/9/1998	Nam	Kinh		TT Hàng Trạm-Yên Thủy-Hòa Bình	Cao đẳng Y tế Ninh Bình	Cao đẳng	Dược sĩ	Khá			Dược CĐ		Bỏ thi

Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Diện ưu tiên	Địa chỉ	Trường đào tạo	Trình độ, chuyên môn đào tạo		Tốt nghiệp loại	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí việc làm	Điểm phỏng vấn	Ghi chú
									Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
108	Bùi Thị Ngọc	Mơ	28/6/1999	Nữ	Mường	DT	Vũ Bình-Lạc Sơn- Hòa Bình	Cao đẳng Y tế Phú Thọ	Cao đẳng	Cử nhân thực hành Dược	Giỏi			Dược CĐ	52	
109	Bùi Thị	Nga	24/3/1999	Nữ	Mường	DT	Ngọc Sơn-Lạc Sơn- Hòa Bình	Cao đẳng Y Dược Hà Nội	Cao đẳng	Cử nhân thực hành Dược	Khá			Dược CĐ		Bỏ thi
110	Bùi Văn	Nhân	05/8/1988	Nam	Mường	DT	Đa Phúc-Yên Thủy- Hòa Bình	Cao đẳng Y Dược Phú Thọ	Cao đẳng	Cử nhân thực hành Dược	Khá			Dược CĐ	14	
111	Tạ Thị	Quỳnh	17/8/1997	Nữ	Kinh		Khu 2-TT Cao Phong-Hòa Bình	Cao đẳng Y Dược Phú Thọ	Cao đẳng	Dược	TBK			Dược CĐ	54	
112	Bạch Ngọc	Quỳnh	18/02/1999	Nữ	Mường	DT; 135	Bình Sơn - Kim Bôi- Hòa Bình	Cao đẳng Y tế Phú Thọ	Cao đẳng	Cử nhân thực hành Dược	Khá	Cơ bản	Anh bậc 2	Dược CĐ	30	
113	Bùi Thị Thanh	Thu	09/7/1992	Nữ	Mường	DT	Nhân Nghĩa-Lạc Sơn- Hòa Bình	Cao đẳng Y Dược Phú Thọ	Cao đẳng	Cử nhân thực hành Dược	Khá			Dược CĐ	13	
114	Bùi Thị	Thu	01/5/1996	Nữ	Mường	DT	Nam Phong-Cao Phong-Hòa Bình	Cao đẳng Y tế Hà Đông	Cao đẳng	Dược sỹ	TBK			Dược CĐ	54	
115	Bùi Văn	Thương	03/9/1988	Nam	Mường	DT	Xuất Hóa-Lạc Sơn- Hòa Bình	Cao đẳng Y Dược Phú Thọ	Cao đẳng	Cử nhân thực hành Dược	Khá			Dược CĐ	10	
116	Nguyễn Xuân	Tiến	16/5/1996	Nam	Kinh		Đồng Tâm-Lạc Thủy- Hòa Bình	Cao đẳng Công nghệ & Thương mại Hà Nội	Cao đẳng	Dược sĩ	TBK			Dược CĐ	50	

THƯ KÝ

Thư

Bùi Thị Thúy Hải





DANH SÁCH
ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2022
BẢN SỐ 4

Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Diện ưu tiên	Địa chỉ	Trường đào tạo	Trình độ, chuyên môn đào tạo		Tốt nghiệp loại	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí việc làm	Điểm phỏng vấn	Ghi chú
									Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
117	Nguyễn Thị	Châm	28/10/1988	Nữ	Mường	DT	Thịnh Lang - TP Hòa Bình - Hòa Bình	Đại học Trà Vinh	Đại học	Điều dưỡng	Khá	CB	Anh A2	Điều dưỡng hạng III	62	
118	Phạm Thùy	Dương	24/11/1999	Nữ	Kinh		TT Đà Bắc - Hòa Bình	Đại học PHENIKAA	Đại học	Điều dưỡng	Khá	CB	Anh bậc 2, CC DT Thái	Điều dưỡng hạng III		Bỏ thi
119	Hà Thị	Huệ	19/3/1990	Nữ	Thái	DT	Chiềng Châu-Mai Châu-Hòa Bình	Đại học Thành Đông	Đại học	Điều dưỡng	Khá	CB	Anh B1	Điều dưỡng hạng III	64	
120	Nguyễn Thị Thu	Hường	07/7/1987	Nữ	Mường	DT	Dân Chủ-TP Hòa Bình	Đại học Y Dược Hải phòng	Đại học	Điều dưỡng đa khoa	Khá	0	0	Điều dưỡng hạng III	35	
121	Bùi Thị	Huyền	02/12/1987	Nữ	Mường	DT	TT Mai Châu-Mai Châu-Hòa Bình	Đại học Thành Đông	Đại học	Điều dưỡng	Khá	CB	Anh B1	Điều dưỡng hạng III	52	
122	Nguyễn Hồng	Loan	01/11/1993	Nữ	Mường	DT	Dân Chủ- TP Hòa Bình - Hòa Bình	Đại học Thành Đông	Đại học	Điều dưỡng	Khá	CB	Anh A2	Điều dưỡng hạng III	54	
123	Đinh Thị Thanh	Loan	22/9/1991	Nữ	Mường	DT, CDHH	Yên Trị-Yên Thủy-Hòa Bình	ĐH Quốc tế Hồng Bàng	Đại học	Điều dưỡng	Khá	CB	Anh bậc 2, CC DT Thái	Điều dưỡng hạng III	54	
124	Đặng Thị	Nga	20/3/1991	Nữ	Kinh		TT Đà Bắc-Hòa Bình	Đại học Thành Đông	Đại học	Điều dưỡng	Khá	CB	Anh bậc 2	Điều dưỡng hạng III	74	
125	Khà Thị Thanh	Nhàn	04/10/1992	Nữ	Thái	DT	Nà Phôn-Mai Châu-Hòa Bình	Đại học Thành Đông	Đại học	Điều dưỡng	Khá	CB	0	Điều dưỡng hạng III	28	
126	Bùi Thị Thanh	Phúc	28/01/1999	Nữ	Mường	DT	Xuân Thủy-Kim Bôi-Hòa Bình	ĐH Điều dưỡng Nam Định	Đại học	Điều dưỡng	Khá	CB	Anh bậc 2	Điều dưỡng hạng III	40	



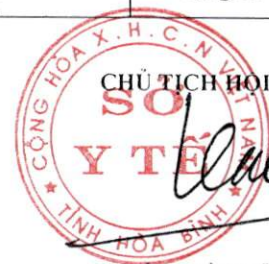
Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điện ưu tiên	Địa chỉ	Trường đào tạo	Trình độ, chuyên môn đào tạo		Tốt nghiệp loại	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí việc làm	Điểm phỏng vấn	Ghi chú
								Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
127	Bùi Văn Thảo	18/9/1993	Nam	Mường	DT	Bao La-Mai Châu-Hòa Bình	Đại học Thành Đông	Đại học	Điều dưỡng	Khá	CB	Anh B1	Điều dưỡng hạng III	60	
128	Trương Thị Phương Thảo	24/10/1996	Nữ	Kinh		Tân Hòa-TP Hòa Bình	Đại học Thành Đông	Đại học	Điều dưỡng	Khá	CB	Anh B1	Điều dưỡng hạng III	33	
129	Nguyễn Thị Thanh	10/9/1997	Nữ	Mường	DT	Nhuận Trạch - Lương Sơn- Hòa Bình	ĐH Kỹ thuật Y tế Hải Dương	Đại học	CN Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	TBK	CB	Anh bậc 2	Điều dưỡng hạng III	54	
130	Bùi Ngọc Thúy	15/3/2000	Nữ	Mường	DT: 135	Ngô Luông-Tân Lạc-Hòa Bình	Đại học Y Dược Thái Nguyên	Đại học	Điều dưỡng	Khá	CB	Anh Bậc 3	Điều dưỡng hạng III	58	
131	Hoàng Phương Thúy	28/5/1998	Nữ	Kinh		Lâm Sơn-Lương Sơn-Hòa Bình	Đại học Điều dưỡng Nam Định	Đại học	Điều dưỡng	Khá	CB	Anh bậc 2	Điều dưỡng hạng III	40	
132	Nguyễn Thu Thúy	15/6/1995	Nữ	Mường	DT	Phương Lâm-TP Hòa Bình	Đại học Thành Đông	Đại học	Điều dưỡng	Khá	CB	GCN Anh B1	Điều dưỡng hạng III	58	
133	Bùi Thị Uyên	10/7/1993	Nữ	Mường	DT	Thượng Cốc-Lạc Sơn-Hòa Bình	Đại học Thành Đông	Đại học	Điều dưỡng	Khá	CB	Anh B1	Điều dưỡng hạng III	52	
134	Bùi Thị Phương Dung	24/10/1996	Nữ	Mường	DT	Thanh Hối-Tân Lạc-Hòa Bình	Cao đẳng Bách khoa Việt Nam	Cao đẳng	Cử nhân thực hành Điều dưỡng	Khá			Điều dưỡng hạng IV	54	
135	Bùi Thị Thu Giang	26/12/1990	Nữ	Mường	DT	Xuân Thủy-Kim Bôi-Hòa Bình	Cao đẳng Công nghệ Y-Dược Việt Nam	Cao đẳng	Cử nhân thực hành Điều dưỡng	Khá			Điều dưỡng hạng IV	60	
136	Kiều Thị Lan Hương	01/3/1998	Nữ	Kinh		Ngọc Lương-Yên Thủy-Hòa Bình	Cao đẳng Y tế Hà Nội	Cao đẳng	Điều dưỡng	TBK			Điều dưỡng hạng IV	70	
137	Hà Văn Lâm	25/12/1990	Nam	Thái	DT	Chiềng Châu-Mai Châu-Hòa Bình	Cao đẳng Y tế Thái Nguyên	Cao đẳng	Điều dưỡng	Khá			Điều dưỡng hạng IV		Bỏ thi
138	Bùi Huyền Nhi	04/10/2000	Nữ	Mường	DT	Mân Đức-Tân Lạc-Hòa Bình	Cao đẳng Y Dược Hà Nội	Cao đẳng	Cử nhân thực hành Điều dưỡng	Khá			Điều dưỡng hạng IV	52	

Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điện ưu tiên	Địa chỉ	Trường đào tạo	Trình độ, chuyên môn đào tạo		Tốt nghiệp loại	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí việc làm	Điểm phỏng vấn	Ghi chú
									Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
139	Bùi Thu	Phương	22/5/2000	Nữ	Mường	DT	Hiền Lương- Đà Bắc Hòa Bình	Cao đẳng Y Dược Hà Nội	Cao đẳng	Cử nhân thực hành Điều dưỡng	Khá			Điều dưỡng hạng IV	52	
140	Nguyễn Thị Thu	Phương	05/3/1998	Nữ	Mường	DT	Tân Vinh-Lương Sơn Hòa Bình	Cao đẳng Y tế Hà Đông	Cao đẳng	Điều dưỡng	TBK			Điều dưỡng hạng IV	20	
141	Nguyễn Anh	Sâm	25/10/1999	Nữ	Kinh		TT Chi Lê- Lạc Thủy- Hòa Bình	Cao đẳng Y - Dược ASEAN	Cao đẳng	Cử nhân thực hành Điều dưỡng	Khá			Điều dưỡng hạng IV	56	
142	Hà Thanh	Tâm	12/11/1993	Nam	Mường	DT	Tây Phong-Cao Phong-Hòa Bình	Cao đẳng Y tế Thanh Hóa	Cao đẳng	Điều dưỡng	TBK			Điều dưỡng hạng IV	60	
143	Vũ Minh	Thái	11/12/2000	Nam	Kinh		TT Bo-Kim Bôi-Hòa Bình	Cao đẳng Y Dược Hà Nội	Cao đẳng	Cử nhân thực hành Điều dưỡng	Giỏi			Điều dưỡng hạng IV	52	
144	Bùi Đức	Toàn	13/01/2000	Nam	Mường	DT	Cổ Nhuế - Bắc Từ Liêm - Hà Nội	Cao đẳng Công nghệ Y-Dược Việt Nam	Cao đẳng	Điều dưỡng	Khá			Điều dưỡng hạng IV		Bỏ thi
145	Bùi Thị	Miền	28/7/1987	Nữ	Mường	DT	TT Mãn Đức -Tân Lạc -Hòa Bình	Trung học Y tế tỉnh Hòa Bình	Trung cấp	Điều dưỡng	Trung binh			Hộ lý	54	
146	Lê Hồng	Tuyết	17/11/2000	Nữ	Kinh		TT Bo -Kim Bôi - Hòa Bình	Cao đẳng Y tế Hà Nội	Cao đẳng	Cử nhân thực hành Hộ sinh	Trung binh	Cơ bản	Anh A2	Hộ sinh hạng IV	62	
147	Nguyễn Thị Minh	Ánh	03/5/2000	Nữ	Kinh		Chi Nê - Lạc Thủy - Hòa Bình	Đại học Y tế công cộng	Đại học	Y tế công cộng	Khá	CB	Anh bậc 2	Y tế công cộng hạng III	52	
148	Nguyễn Thị Hải	Yến	03/6/1997	Nữ	Mường	DT	Tân Hòa-TP Hòa Bình-Hòa Bình	Đại học Y Dược Thái Bình	Đại học	Y tế công cộng	TB	CB	Anh B	Y tế công cộng hạng III	32	

THƯ KÝ



Bùi Thị Thúy Hải



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Bùi Thu Hằng



DANH SÁCH
ĐIỂM XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC Y TẾ NĂM 2022
BẢN SỐ 5

Số báo đanh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Điện ưu tiên	Địa chỉ	Trường đào tạo	Trình độ, chuyên môn đào tạo		Tốt nghiệp loại	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí việc làm	Điểm phỏng vấn	Ghi chú
									Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
149	Quách Ngọc	Huân	17/01/1989	Nam	Mường	DT	Bảo Hiệu -Yên Thủy - Hòa Bình	Đại học Hồng Đức	Đại học	Xã hội học	TBK	CB	Anh B	Công tác xã hội viên hạng III	61.5	
150	Bùi Thị	Kiều	25/10/1994	Nữ	Mường	DT	P. Tân Thịnh - TP Hòa Bình -Hòa Bình	ĐH Khoa học XH và Nhân văn	Đại học	Công tác xã hội	Khá	CB	Anh B1	Công tác xã hội viên hạng III		Bỏ thi
151	Nguyễn Ngọc	Mai	04/02/1995	Nữ	Mường	DT	TT Đà Bắc -Hòa Bình	Đại học Công đoàn	Đại học	Công tác xã hội	Khá	CB	Anh A2	Công tác xã hội viên hạng III	30.5	
152	Hà Hoài	Nam	25/8/1994	Nam	Thái	DT	Chiềng Sại-Mai Châu-Hòa Bình	Đại học Công đoàn	Đại học	Công tác xã hội	Khá	Cơ bản	Anh B	Công tác xã hội viên hạng III	63.5	
153	Hoàng Bích	Ngọc	14/4/2000	Nữ	Kinh		Quỳnh Lâm-TP Hòa Bình	Đại học Lao động xã hội	Đại học	Công tác xã hội	Khá	0	GCN TOEIC	Công tác xã hội viên hạng III	55	
154	Đinh Thị Phương	Thảo	08/11/2000	Nữ	Mường	DT	Tân Vinh-Lương Sơn- Hòa Bình	ĐH Khoa học XH và Nhân văn	Đại học	Công tác xã hội	Giỏi	Cơ bản	Anh B2	Công tác xã hội viên hạng III	63.5	
155	Bùi Thị	Thiếu	04/12/1993	Nữ	Mường	DT	TT Bo-Kim Bôi-Hòa Bình	Đại học Công đoàn	Đại học	Công tác xã hội	Khá	CB	Anh B	Công tác xã hội viên hạng III	59	
156	Trương Thị	Thùy	13/9/1998	Nữ	Mường	DT	Lâm Sơn-Lương Sơn- Hòa Bình	Học Viện thanh thiếu niên Việt Nam	Đại học	Công tác xã hội	Khá	0	0	Công tác xã hội viên hạng III	28	
157	Bùi Văn	Tùng	09/02/1994	Nam	Mường	DT	Ngọc Lâu-Lạc Sơn- Hòa Bình	Đại học Văn hóa, thể thao và Du lịch Thanh Hóa	Đại học	Công tác xã hội	Khá	0	0	Công tác xã hội viên hạng III	52.5	
158	Quách Thị Tú	Hoa	29/9/1997	Nữ	Mường	DT	TT Bo -Kim Bôi - Hòa Bình	Học Viện quản lý giáo dục	Đại học	Công nghệ thông tin	Khá	ĐH	Anh bậc 2	Công nghệ thông tin hạng III	64	

Số báo danh			Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Diện ưu tiên	Địa chỉ	Trường đào tạo	Trình độ, chuyên môn đào tạo		Tốt nghệ loại	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí việc làm	Điểm phỏng vấn	Ghi chú
									Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
159	Nguyễn Kiên	Cường	28/6/1999	Nam	Mường	DT	P. Đồng Tiến-TP Hòa Bình-Hòa Bình	Đại học Lao động- Xã hội	Đại học	Quản trị nhân lực	Khá	Cơ bản	Anh A2	Quản trị nhân lực	67	
160	Nguyễn Thị Thu	Hiền	17/6/2000	Nữ	Kinh		Xuất Hóa-Lạc Sơn- Hòa Bình	Đại học Nội vụ Hà Nội	Đại học	Quản trị nhân lực	BT	Cơ bản	TOEIC	Quản trị nhân lực	40.5	
161	Nguyễn Thị	Hương	21/02/1990	Nữ	Kinh		Tân Hòa -TP Hòa Bình	ĐH Khoa học XH và Nhân văn	Đại học	Quản lý nguồn nhân lực	Khá	Cơ bản	Anh bậc 2	Quản trị nhân lực	40.5	
162	Bùi Thị Hồng	Minh	26/10/1996	Nữ	Mường	DT	Tân Thịnh-TP Hòa Bình	Đại học Nội vụ Hà Nội	Đại học	Quản trị nhân lực	Khá	Cơ bản	Anh B	Quản trị nhân lực	63.5	
163	Trương Tuấn	Nhật	08/11/1999	Nam	Mường	DT	Đồng Tiến-TP Hòa Bình	Đại học Lao động- Xã hội	Đại học	Quản trị nhân lực	Khá	0	TOEIC	Quản trị nhân lực	63.5	
164	Bùi Văn	Thành	27/7/1990	Nam	Mường	DT	Văn Nghĩa-Lạc Sơn- Hòa Bình	Học Viện hành chính	Đại học	Hành chính học	Khá	0	0	Hành chính	33	
165	Trần Thị Hải	Hà	18/12/2000	Nữ	Mường	DT	Thống Nhất- TP Hòa Bình	Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn	Đại học	Lưu trữ học	Khá	Cơ bản	Anh B1	Văn thư lưu trữ	55.5	
166	Đào Thị	Thảo	22/4/1984	Nữ	Kinh		Đại Hưng-Mỹ Đức- Hà Nội	Trường Trung cấp Công nghệ& Quản trị Đông Đô	Trung cấp	Văn thư- Lưu trữ	Giỏi	0	0	Văn thư lưu trữ	22	
167	Bùi Thị	Hằng	03/6/2000	Nữ	Mường	DT	Miền Đồi- Lạc Sơn- Hòa Bình	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Đại học	Kế toán	Giỏi	Cơ bản, nâng cao	0	Kế toán	30.5	
168	Nguyễn Anh	Hòa	28/02/1992	Nam	Kinh		Đường Trần Quốc Toàn-Đồng Tiến-TP Hòa Bình	Đại học Kinh tế và Quản trị KD Đại học Thái Nguyên	Đại học	Kế toán	Khá	Cơ bản	Anh bậc 2	Kế toán	60	
169	Bùi Thị Khánh	Linh	13/12/1998	Nữ	Mường	DT	Nhân Nghĩa- Lạc Sơn-Hòa Bình	Đại học Tài chính- Quản trị kinh doanh	Đại học	Kế toán	Khá	Cơ bản	Anh C	Kế toán	19	
170	Nguyễn Thị	Lương	10/12/1979	Nữ	Kinh		TT Lương Sơn-Hòa Bình	Đại học Lâm Nghệ	Đại học	Kế toán	TBK	Trung cấp	Anh B	Kế toán	61	

Số báo danh	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Diện ưu tiên	Địa chỉ	Trường đào tạo	Trình độ, chuyên môn đào tạo		Tốt nghệ loại	Tin học	Ngoại ngữ	Vị trí việc làm	Điểm phỏng vấn	Ghi chú
									Trình độ	Chuyên ngành đào tạo						
171	Nguyễn Thanh	Ngọc	21/9/1998	Nữ	Kinh		TT Mai Châu- Hòa Bình	Đại học Lâm Nghệ	Đại học	Kế toán	Khá	0	0	Kế toán	54.5	
172	Bùi Thị	Phương	03/8/1994	Nữ	Mường	DT	Trung Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội	Đại học Thương mại	Đại học	Kế toán	Khá	B	Anh B	Kế toán	36	
173	Bùi Văn	Sang	15/11/1988	Nam	Mường	DT	Định Cư- Lạc Sơn- Hòa Bình	Đại học Kinh tế và Quản trị KD đại học Thái Nguyên	Đại học	Kế toán	Khá	Văn phòng B	0	Kế toán	63.5	
174	Phan Thị	Thúy	22/01/1990	Nữ	Kinh		Quốc Oai-TP Hà Nội	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Đại học	Kế toán	TB	B	Anh bậc 2	Kế toán	13.5	
175	Vũ Linh	Trang	22/6/1996	Nữ	Kinh		Suối Hoa-Tân Lạc- Hòa Bình	Đại học Lao động xã hội	Đại học	Kế toán	Khá	Cơ bản	GXN nói thành thạo tiếng Mường	Kế toán	60	
176	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	06/11/1993	Nữ	Mường	DT	Phương Lâm-TP Hòa Bình	Đại học Lâm Nghệ	Đại học	Kế toán	Khá	Cơ bản	Anh B	Kế toán	66.5	
177	Bùi Thị	Xoan	20/8/2000	Nữ	Mường	DT	Ngọc Lâu- Lạc Sơn- Hòa Bình	Đại học Công nghiệp Hà Nội	Đại học	Kế toán	Khá	Cơ bản, nâng cao	0	Kế toán	31	
178	Lý Phương	Hào	21/8/1985	Nữ	Kinh		Thịnh Lang -TP Hòa Bình - Hòa Bình	Đại học Kinh tế Quốc dân	Đại học	Kinh tế	TBK	ĐH	Anh B	Kinh tế	70	

THƯ KÝ

Thư

Bùi Thị Thúy Hải



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

SỞ
Y TẾ

GIAM ĐỐC SỞ Y TẾ

Bùi Thu Hằng